

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST.
Ngày: 23/02/2021.
V/v: “Đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2020/TLST – DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: - Ông **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Lung Lớn, xã KB, huyện KL, tỉnh KG.

- Ông **Bùi Thanh P**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã Bình Thành, huyện TB, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh P: Bà **Danh Thị Thúy H**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Thuận Hòa, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/. Bị đơn: - Ông **Nguyễn Gia D**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

- Bà **Đàm Thị H2**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Thuận Hòa, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày như sau:*

Trước đây, ông Nguyễn Gia D có mua của Sư đoàn BB4 02 lô đất nền là lô số 10 và lô số 11 (theo sơ đồ đo vẽ của Sư Đoàn BB4) đất tọa lạc tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông D có thỏa thuận nhượng lại cho ông Nguyễn Đình C và ông Bùi Thanh P cụ thể:

Vào ngày 20/02/2011 ông Nguyễn Gia D chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất số 10 (theo sơ đồ đo vẽ của Sư Đoàn BB4) cho ông Nguyễn Đình C, hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng. Việc sang nhượng đất giữa ông C và ông D có làm giấy tay mua bán với nhau đề ngày 20/02/2011. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì hai bên có thỏa thuận lại giá chuyển nhượng là 60.500.000 đồng, trong đó chênh lệch 500.000 đồng là số tiền mà ông C đưa cho ông D mua cột đá để cắm mốc ranh giới khi Sư Đoàn phân lô giao nền. Ông C đã trả đủ số tiền 60.500.000 đồng cho ông D.

Đến ngày 29/02/2016 ông D tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Thanh P đối với lô đất số 11 (theo sơ đồ đo vẽ của Sư Đoàn BB4), hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 75.000.000 đồng, việc sang nhượng đất giữa ông P và ông D có làm giấy tay với nhau đề ngày 29/02/2016 do ông D ký tên bên bán, ông P đã trả trước cho ông D số tiền 65.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng thì thỏa thuận khi nào ông D giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P sẽ trả đủ số tiền còn lại.

Sau khi hai bên thỏa thuận việc sang nhượng đất xong thì diện tích đất trên ông D vẫn chưa giao đất cho ông C, ông P sử dụng và hiện nay ông D vẫn chưa được cấp giấy nhận quyền sử dụng đất; đồng thời ông D lại chuyển nhượng phần đất này cho ông Huỳnh Văn Hải nên việc chuyển nhượng không thể thực hiện đúng như hợp đồng mà hai bên thỏa thuận. Do đó, đến ngày 31/10/2019 tại biên bản làm việc của Sư đoàn BB4 giữa ông C, ông P và ông D đã thống nhất không thực hiện việc chuyển nhượng

quyền sử dụng đất và ông D phải trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì ông D không thực hiện việc trả tiền như thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Gia D và bà Đàm Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Đình C số tiền 81.000.000đồng và ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 31/10/2019.

** Theo biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Gia D trình bày:*

Trước đây, ông D là cán bộ Phòng tham mưu của Sư đoàn BB4 - Quân khu 9, vào năm 2009 ông được Sư đoàn BB4 xét cho mua 01 nền đất thổ cư có chiều ngang 5m, dài 15m với giá 60.000.000 đồng. Theo sơ đồ của Sư đoàn BB4 thì lô đất này thuộc lô số 10; đồng thời ông D có mua thêm 01 nền thuộc phần của ông Bùi Trị Thủy (do ông Thủy không có nhu cầu sử dụng nên đồng ý cho ông mua lại) có chiều ngang 5m, dài 15m cũng với giá 60.000.000 đồng. Theo sơ đồ của Sư đoàn BB4 thì lô đất này thuộc lô số 11, hai nền đất này liền kề nhau tọa lạc tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có tứ cận như sau: mặt tiền giáp lộ, bên trái giáp ông Nguyễn Thành Lúa, bên phải giáp ông Lê Hữu Lộc, phía sau hậu giáp ông Hậu.

Khi mua 02 nền đất này thì Sư đoàn BB4 - Quân khu 9 có được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì ông không biết nhưng đến hiện nay sau khi ông đã nộp đủ tiền mua đất cho Sư đoàn BB4 - Quân khu 9 thì ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cùng năm 2009, sau khi ông đã nộp đủ tiền mua đất cho Sư đoàn BB4 - Quân khu 9 thì ông và ông Nguyễn Đình C có thỏa thuận về việc nhượng lại quyền sử dụng đất đối với lô số 10 mà ông mua của Sư đoàn BB4, hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng. Việc sang nhượng giữa ông và ông C có làm giấy tay với nhau vào ngày 20/02/2011, đến năm 2016 thì hai bên có thỏa thuận lại giá chuyển nhượng là 60.500.000 đồng, trong đó chênh lệch 500.000 đồng là số tiền để ông D mua cột đá để cắm mốc ranh giới khi Sư đoàn phân lô giao nền; số tiền 60.500.000đồng ông C đã trả đủ cho ông.

Đến ngày 29/02/2016 ông D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Thanh P đối với lô đất số 11 (theo sơ đồ đo vẽ của Sư Đoàn BB4), hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 75.000.000 đồng, việc sang nhượng đất giữa ông và ông P có

làm giấy tay với nhau đề ngày 29/02/2016 do ông D ký tên bên bán, ông P đã trả trước cho ông số tiền 65.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng khi nào ông D giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P sẽ trả đủ số tiền trên cho ông.

Do 02 lô đất trên ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và ông P, đến ngày 31/10/2019 tại biên bản làm việc của Sur đoàn BB4 giữa ông và ông C, ông P (thông qua bà H người nhận ủy quyền của ông P) đã thống nhất không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nữa; đồng thời ông D đồng ý trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019.

Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì ông không có tiền trả cho ông C và ông như thỏa thuận nên ông C và ông P đã khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất yêu cầu ông phải trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng.

Đối với việc ông chuyển nhượng 02 lô đất trên cho ông C và ông P thì lúc đầu khi giao kết thì vợ ông là Đàm Thị H2 không biết nhưng sau này thì vợ ông cũng biết và đồng ý cho ông bán.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì ông cũng đồng ý trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng nhưng ông xin được trả dần.

** Theo biên bản ghi lời khai của bà Đàm Thị H2 trình bày:* Bà H2 là vợ của ông Nguyễn Gia D; đối với 02 lô đất mà ông D chuyển nhượng cho ông C và ông P là do ông D mua của Sur đoàn BB4 nhưng bà là người bỏ tiền ra mua. Khi ông D và ông C, ông P thỏa thuận chuyển nhượng đất với nhau thì bà không biết, bà cũng không ký tên hợp đồng chuyển nhượng và cũng không nhận tiền chuyển nhượng từ ông C và ông P. Tuy nhiên, bà có ký giáp ranh đất đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông D. Nay xảy ra tranh chấp thì ông D có trách nhiệm với ông C và ông P, còn bà thì không liên quan gì đến vụ việc này nên bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Gia D, bà Đàm Thị H2 phía trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 81.000.000đồng và ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng. Về án phí: ông D, bà H2 còn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Các đương sự phát sinh tranh chấp về việc đòi lại tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự” mà bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông Nguyễn Gia D, bà Đàm Thị H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào năm 2009 ông Nguyễn Gia D là cán bộ Phòng tham mưu của Sư đoàn BB4 - Quân khu 9, được Sư đoàn BB4 xét cho mua 01 nền đất thổ cư có chiều ngang 5m, dài 15m với giá 60.000.000 đồng; đồng thời ông D có mua thêm 01 nền thuộc phần của ông Bùi Trị Thủy (do ông Thủy không có nhu cầu sử dụng nên đồng ý cho ông D mua lại) có chiều ngang 5m, dài 15m cũng với giá 60.000.000 đồng, cả 02 nền đất mà theo sơ đồ của Sư đoàn BB4 thì thuộc lô đất số 10, 11. Hai nền đất này liền kề nhau tọa lạc tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Ông D đã nộp đủ

tiền mua đất cho Sư đoàn BB4 - Quân khu 9 nhưng ông vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 20/02/2011 ông Nguyễn Gia D chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô đất số 10 cho ông Nguyễn Đình C (sau này Sư Đoàn BB4 xác định lại thuộc lô 12), hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng. Việc sang nhượng đất giữa ông C và ông D có làm giấy tay với nhau đề ngày 20/02/2011. Tuy nhiên, đến ngày 24/11/2016 thì hai bên có thỏa thuận lại giá chuyển nhượng là 60.500.000 đồng, trong đó chênh lệch 500.000 đồng là số tiền mà ông C đưa cho ông D mua cột đá để cắm mốc ranh giới khi Sư đoàn phân lô giao nền. Ông C đã trả đủ số tiền 60.500.000 đồng cho ông D.

Đến ngày 29/02/2016 ông D tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với lô đất số 11 cho ông Bùi Thanh P, hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 75.000.000 đồng, việc sang nhượng đất giữa ông P và ông D có làm giấy tay với nhau đề ngày 29/02/2016 do ông D ký tên bên bán, ông P đã trả trước cho ông D số tiền 65.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng thì thỏa thuận khi nào ông D giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P sẽ trả đủ số tiền còn lại.

Do 02 lô đất trên ông D vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và ông P không thực hiện được, vì vậy đến ngày 31/10/2019 tại biên bản làm việc của Sư đoàn BB4 giữa ông và ông C, ông P (thông qua bà H người nhận ủy quyền của ông P) đã thống nhất không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nữa và ông D phải trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán thì ông D không thực hiện như thỏa thuận nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn ông Nguyễn Gia D, buộc ông Nguyễn Gia D cùng vợ là bà Đàm Thị H2 phải trả cho ông C số tiền là 60.500.000đồng và tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với khoảng chênh lệch về giá đất số tiền tạm tính là 50.000.000đồng; trả cho ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng và tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với khoảng chênh lệch về giá đất theo giá thị trường. Vì vậy, khi thụ lý vụ án Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Tuy

nhiên, đến ngày 30/10/2020 nguyên đơn có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu ông Nguyễn Gia D, bà Đàm Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Đình C số tiền 81.000.000đồng; ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng theo văn bản thỏa thuận ngày 31/10/2019 (kèm theo biên bản thỏa thuận ngày 31/10/2019). Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2011 giữa ông C với ông D và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 29/02/2016 giữa ông P với ông D. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được hai bên lập thành văn bản nhưng không có công chứng, chứng thực đúng theo quy định nên vi phạm về mặt hình thức. Về nội dung, hai bên chuyển nhượng biết rõ phần đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất của Sư đoàn BB4) nhưng vẫn thực hiện việc chuyển nhượng. Do thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thực hiện được, vì vậy đến ngày 31/10/2019 tại biên bản làm việc của Sư đoàn BB4 giữa ông và ông C, ông P (thông qua bà H người nhận ủy quyền của ông P) đã thống nhất không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nữa và ông D phải trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019. Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được thay thế bằng một giao dịch dân sự khác. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2011 giữa ông C với ông D và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 29/02/2016 giữa ông P với ông D không còn giá trị pháp lý.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn có cung cấp văn bản thỏa thuận ngày 31/10/2019 được lập tại Sư đoàn BB4 với sự có mặt của ông C, bà H (người đại diện của ông P) và ông D cùng thống nhất ông Nguyễn Gia D phải trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng và ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019, có chữ ký tên của ông D. Tại bản ghi lời khai đề ngày 06/7/2020 (BL 27) ông D thừa nhận chữ ký tên D trong biên bản ngày 31/10/2019 chính là chữ ký của ông; ông D thừa nhận ông cùng ông C, bà H (người đại diện của ông Bùi Thanh P) thống nhất không thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất thuộc lô 11, 12 và ông đồng ý trả cho ông C số tiền 81.000.000đồng, ông P số tiền 110.000.000đồng vào tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên do số tiền xuất ngũ của ông không đủ trả cho ông C, ông P nên ông vẫn chưa trả tiền cho ông C và ông P, nay ông

cũng đồng ý trả số tiền trên cho ông C, ông P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng tuy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C, ông P với ông D không có chữ ký của bà H2 nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 30/11/2020 (BL 49) bà H2 khai rằng số tiền mua 02 lô đất trên là của bà bỏ ra; đồng thời bà có ký giáp ranh đất cho ông D bán cho ông P. Như vậy, vụ việc mua bán đất giữa ông C, ông P với ông D bà có biết và đồng ý để ông D bán, điều này đúng với lời khai của ông D tại BL 27. Hơn nữa, từ thời điểm giao kết hợp đồng cho đến nay thì ông Nguyễn Gia D và bà Đàm Thị H2 vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Như vậy, khoản nợ của ông C, ông P được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông D, bà H2. Do đó, căn cứ vào Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử cần thiết buộc bà H2 và ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho ông C, ông P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Gia D và bà Đàm Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Đình C số tiền 81.000.000đồng và ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng.

[4] Đối với ông Huỳnh Văn Hải: Xét thấy theo đơn khởi kiện của ông Bùi Thanh P thì có ghi ông Huỳnh Văn Hải là người liên quan vì cho rằng ông Hải là người mua đất mà ông D đã bán cho ông. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà H (người đại diện theo ủy quyền của ông P) cho biết hiện nay ông Hải đã bán diện tích đất này lại cho người khác (mua bán giấy tay) nên ông Hải không còn sử dụng đất này; đồng thời ông P chỉ kiện đòi lại tài sản là số tiền 110.000.000đồng còn việc mua bán đất giữa ông P và ông D đã kết thúc tại thời điểm Sur đoàn BB4 giải quyết vào ngày 31/10/2019 nên việc tranh chấp giữa ông P và ông D, bà H2 không liên quan đến ông Hải. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông P yêu cầu Tòa án không đưa ông Hải vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông Hải không có liên quan nên không cần thiết phải đưa ông Hải vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Nguyễn Gia D, bà Đàm Thị H2 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông C và ông P.

Ông Nguyễn Đình C và ông Bùi Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 116, khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C và ông Bùi Thanh P.

Buộc ông Nguyễn Gia D và bà Đàm Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Đình C số tiền 81.000.000đồng (Tám mươi một triệu đồng) và trả ông Bùi Thanh P số tiền 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Gia D và bà Đàm Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.550.000đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.780.000đồng theo biên lai thu số 0000862 ngày 25/5/2020; ông Bùi Thanh P số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 3.050.000đồng theo biên lai thu số 0001158 ngày 16/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp